

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **152/2023/DS-ST**

Ngày: 07/9/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Bà Lê Thị Phước Mãng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 23/02/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-DS ngày 21/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 15/8/2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SGTT.

* *Đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 266-268 Đường NKKN, phường VTS, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 35 Đường THT, Phường X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Bình T, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Căn hộ số 339, tầng 2 bên phải thuộc căn nhà số 339 Đường NVL, Phường Z, Quận F Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn T có mặt; Ông Đặng Bình T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SGTT thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2021, Ngân hàng TMCP SGTT v ông Đặng Bình T có pht sinh cc quan hệ tín dụng như sau:

- Ngy 19/9/2019, Ngn hng TMCP SGTT – Chi nhnh Nguyễn Văn Trỗi – Phòng giao dịch Hòa Hưng v ông Đặng Bình T ký kết Hợp đồng tín dụng số 201909229499, số tiền ông Đặng Bình T vay l 200.000.000 đồng, thời hạn vay l 60 thng, li suất: 9%/năm, không có ti sản bảo đảm.

Kể từ ngy được giải ngn đến nay, ông Đặng Bình T đ thanh ton cho ngn hng cả gốc v li l 101.634.946 đồng.

- Ngy 01/3/2021, Ngn hng TMCP SGTT duyệt cấp cho ông Đặng Bình T Thẻ tín dụng số 472074-3224 với hạn mức l 30.000.000 đồng, không p dụng biện pph bảo đảm.

Ông Đặng Bình T đ thực hiện giao dịch từ ngy 03/10/2021 đến ngy 10/11/2022 với tổng số tiền l 30.000.000 đồng, kể từ khi kích hoạt thẻ đến nay, ông Đặng Bình T đ thanh ton cho Ngn hng tổng số tiền l 9.215.000 đồng (Trong đó gốc l 0 đồng, li l 9.215.000 đồng).

Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Đặng Bình T vẫn không có thiện chí trả nợ nn đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngy 20/7/2021 Ngn hng TMCP SGTT – Chi nhnh Nguyễn Văn Trỗi – Phòng giao dịch Hòa Hưng đ chuyển ton bộ số nợ vay v nợ thẻ còn thiếu sang nợ qu hạn.

Nay Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông Đặng Bình T thanh toán tổng số tiền còn nợ cho ngân hàng tạm tính đến ngày 22/6/2023 là 233.223.235 đồng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng chuyển nợ quá hạn ngày 20/7/2021, tạm tính đến ngày 22/6/2023 đã trễ 702 ngày, lãi suất quá hạn hiện tại là 13,5%/năm, tổng số tiền là 179.868.404 đồng, trong đó: nợ gốc là 130.007.000 đồng; lãi quá hạn: 35.999.931 đồng; Lãi chậm trả: 10.395.787 đồng; lãi phạt: 3.465.686 đồng.

- Thẻ tín dụng quá hạn từ ngày 20/7/2021, tạm tính đến ngày 22/6/2023 đã trễ 702 ngày, lãi suất quá hạn hiện tại là 49,8%/năm, tổng số tiền là 53.354.831 đồng, trong đó: nợ gốc: 36.801.499 đồng, tiền lãi: 16.553.332 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán, ông Đặng Bình T phải trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Bị đơn là ông Đặng Bình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt là 4.252.288 đồng.

Các phần khác của yêu cầu khởi kiện giữ nguyên, có bổ sung tiền lãi như sau:

- + Hợp đồng tín dụng dư nợ gốc là 130.007.000 đồng, chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/7/2021, tạm tính đến ngày 07/09/2023 đã quá hạn 779 ngày, lãi suất quá hạn là 13,5%/năm. Do đó, lãi quá hạn là 38.999.931 đồng; Lãi chậm trả theo mức lãi suất 10% là 12.691.160 đồng. Tổng cộng: 181.762.207 đồng.

- + Thẻ tín dụng dư nợ gốc là: 30.000.000 đồng, nhưng tính đến ngày 10/8/2022 ông Đặng Bình T không thanh toán 3 kỳ liên tiếp nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 36.801.499 đồng sang nợ quá hạn nhóm 3 với lãi suất quá hạn là 49,8%/năm, tiền lãi tạm tính đến ngày 07/9/2023 là 18.945.423 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 55.746.931 đồng.

Như vậy, tổng hai khoản nợ nêu trên ông Đặng Bình T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng là **237.509.138** đồng.

- Bị đơn là ông Đặng Bình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đặng Bình T đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng yêu cầu, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự theo đúng quy định, thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tiến hành mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

** Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 201909229499:*

Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201909229499 ngày 19/9/2019, Giấy đề nghị vay vốn và các Biên bản làm việc ngày 12/07/2021 (BL 83, 82), đủ cơ sở xác định ông Đặng Bình T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) vay số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 19/9/2019, Sacombank đã giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo Thông báo đồng ý cấp tín dụng ông T ký xác nhận (BL 91). Thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng, lãi suất 9%/năm, mục đích cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi là 101.634.946 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20/7/2021, Sacombank chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu là 130.007.000 đồng sang làm nợ gốc

tính quá hạn. Nay Ngân hàng Sacombank yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền còn nợ đến ngày 07/9/2023 là 181.762.207 đồng, trong đó: nợ gốc là 130.007.000 đồng, lãi quá hạn là 38.999.931 đồng, lãi chậm thanh toán là 12.755.276 đồng (trễ 779 ngày, lãi suất quá hạn hiện tại là 13.5%/năm). Ngoài ra, ông T phải thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Xét thấy Hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết trên các nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận; hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ. Yêu cầu của Ngân hàng Sacombank phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, mức lãi suất phù hợp với lãi suất cho phép theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Do đó, Ngân hàng Sacombank yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Sacombank xin rút một phần yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi phạt là 4.252.288 đồng. Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với phần yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi phạt là 4.252.288 đồng của nguyên đơn.

* Đối với thẻ tín dụng số 472074-3224:

Theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 01/3/2021, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT. Sacombank đã cấp thẻ tín dụng cho ông Đặng Bình T hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, loại thẻ Visa Paywave Cre Classic với mục đích tiêu dùng cá nhân. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 10/7/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu vào thời điểm này là 36.801.499 đồng làm nợ gốc. Xét thấy, việc ông T không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi sử dụng thẻ tín dụng đã cam kết giữa các bên, vi phạm pháp luật dân sự. Căn cứ Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự và sự thỏa thuận của các bên tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng có quyền thu hồi nợ, khởi kiện khi ông T không trả nợ đúng thời hạn. Do đó, Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ đối với thẻ tín dụng mà ông T đã sử dụng tính đến ngày 07/9/2023 là 55.746.931 đồng (trong đó nợ gốc là 36.801.499 đồng, nợ lãi là 18.945.432) là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT buộc ông Đặng Bình T phải thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 07/9/2023 là 237.509.138 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 201909229499 là 181.762.207 đồng, trong đó: nợ gốc là 130.007.000 đồng, lãi quá hạn là 38.999.931 đồng, lãi chậm thanh toán là 12.755.276 đồng.

Đối với Thẻ tín dụng số 472074-3224 là 55.746.931 đồng, trong đó: nợ gốc là 36.801.499 đồng, nợ lãi là 18.945.432 đồng.

Ông Đặng Bình T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Mức lãi suất được áp dụng theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi phạt là 4.252.288 đồng.

3. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

- Ông Đặng Bình T ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Sacombank) mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nơi cư trú của bị đơn: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 6 thì ông Đặng Bình T có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Căn hộ số 339, tầng 2 bên phải thuộc căn nhà số 339 Đường NVL, Phường Z, Quận F Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương do bị nhàn từ năm 2014.

Như vậy, việc ông Đặng Bình T không cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú cho Ngân hàng để tình dấu địa chỉ. Do đó, Tòa án căn cứ vào địa chỉ mà ông Đặng Bình T đã ghi trong Hợp đồng giao kết với Ngân hàng để thụ lý giải quyết đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là Sacombank cung cấp thể hiện:

- Ngày 19/9/2019, ông Đặng Bình T ký kết với Sacombank – Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi – Phòng giao dịch Hòa Hưng Hợp đồng tín dụng số 201909229499, số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất: 9%/năm, không có tài sản bảo đảm. Phân kỳ trả nợ: Trả lãi và vốn góp đều hàng tháng.

Kể từ ngày được giải ngân đến ngày 20/7/2021, ông Đặng Bình T đã thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi là 101.634.946 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 69.993.000 đồng; Tiền lãi là: 31.641.946 đồng;

- Ngày 01/3/2021, Ngân hàng TMCP SGTT duyệt cấp cho ông Đặng Bình T Thẻ tín dụng số 472074-3224; Loại thẻ: Visa Paywave Cre Classic với hạn mức là 30.000.000 đồng, không áp dụng biện pháp bảo đảm. Ông Đặng Bình T đã thanh

ton cho Ngn hng tổng số tiền li l 9.215.000 đồng. Tính đến ngy 07/9/2023, dư nợ của thẻ tín dụng cả gốc và lãi là: 55.746.931 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Qua xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đối chiếu với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, như: Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ, Giấy đề nghị vay vốn, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản sao kê tài khoản, lịch sử giao dịch đối với các giao dịch của bị đơn; Giấy nhắc nợ đối với bị đơn... có căn cứ xác định bị đơn đã được Sacombank duyệt vay và giải ngân số tiền vay 200.000.000 đồng và cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng đúng như nội dung phía nguyên đơn đã trình bày.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi chia đều hàng tháng là 4.833.000 đồng và thanh toán tiền nợ thẻ theo bản sao kê từng kỳ, nhưng từ ngày 20/7/2021 đến nay bị đơn không thanh toán nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank, nên việc Sacombank yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Đặng Bình T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ tạm tính đến hết ngày 07/9/2023 là **237.509.138** đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là có cơ sở chấp nhận. Cụ thể, ông Đặng Bình T có nghĩa vụ thanh toán các khoản sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 201909229499, tạm tính đến ngy 07/9/2023 tổng số tiền phải thanh ton l 181.762.207 đồng, trong đó: Nợ gốc là 130.007.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 38.999.931 đồng; Lãi chậm trả là 12.691.160 đồng.

- Đối với Thẻ tín dụng số 472074-3224, tạm tính đến ngy 07/9/2023 tổng số tiền phải thanh ton l 55.746.931 đồng, trong đó: Nợ gốc là 36.801.499 đồng; Nợ lãi là 18.945.432 đồng.

Kể từ ngày 08/9/2023, ông Đặng Bình T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng Sacombank cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt là 4.252.288 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, thuộc phạm vi được ủy quyền, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi phạt là 4.252.288 đồng.

[3.]Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Bình T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tính được là **11.875.457** đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ngân hàng TMCP SGTT được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.079.886 đồng theo biên lai thu số 0012994 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT đối với ông Đặng Bình T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”:

1.1. Buộc ông Đặng Bình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT khoản nợ tạm tính đến ngày 07/9/2023 là **237.509.138** đồng. Cụ thể, gồm các khoản sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 201909229499 ngày 19/9/2019, tạm tính đến ngày 07/9/2023 tổng số tiền ông Đặng Bình T phải thanh toán là 181.762.207 đồng (Một trăm tám mươi một triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 130.007.000 đồng, nợ lãi là 38.999.931 đồng; Lãi chậm trả là 12.691.160 đồng.

- Đối với Thẻ tín dụng số 472074-3224, tạm tính đến ngày 07/9/2023 tổng số tiền phải thanh toán là 55.746.931 đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 36.801.499 đồng; Nợ lãi là 18.945.432 đồng.

Kể từ ngày 08/9/2023, ông Đặng Bình T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP SGTT ngày 18/12/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 13633281/1 ngày 01/3/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu về số tiền lãi phạt là 4.252.288 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Bình T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.875.457 đồng (Mười một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.079.886 đồng (Năm triệu không trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0012994 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP SGTT có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Ông Đặng Bình T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Q6;
- Các đương sự;
- Chánh án (để báo cáo);
- Lưu HS – VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú